HIỆN TRẠNG NGHỀ CÁ HỒ CHỨA LƯU VỰC SÔNG MÊKONG - TÂY NGUYÊN

Tưởng Phi Lai, Đinh Xuân Lập

Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nuôi trồng và Khai thác thủy sản bền vững (ICAFIS)

I. TỔNG QUAN

Việt Nam có chiều dài bờ biển 3.260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km^2, có hơn 120 con sông lớn nhỏ chảy ra biển, cửa sông ven biển, đầm phá, đặc biệt là rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, rạn san hô, vùng triều với các thủy vực nước ngọt là những hệ sinh thái tiêu biểu, đặc thù để phát triển thủy sản.

Do nhu cầu tưới tiêu, thuỷ lợi và sản xuất điện, Việt Nam đã xây dựng được rất nhiều hồ chứa cỡ lớn và trung bình: Vùng trung du miền núi phía Bắc có 1.750 hồ chứa; vùng Đồng bằng sông Hồng có 35 hồ chứa; vùng Bắc Trung bộ; vùng duyên hải miền Trung có 32 hồ chứa, vùng Tây Nguyên có 972 hồ chứa, vùng Đông Nam bộ có nhiều hồ lớn như Trị An, Thác Mơ, Dầu Tiếng, Hàm Thuận và rất nhiều hồ chứa nhỏ. Tổng diện tích các thuỷ vực nước ngọt của Việt Nam được dùng cho khai thác và nuôi trồng thủy sản là 1,4.10^{6}ha. Ngoài vai trò chính như thủy điện, cung cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, cải thiện giao thông, chống lũ cho hạ lưu…hồ chứa còn mang lại lợi ích kinh tế về du lịch, thể thao và đặc biệt phát triển ngành thủy sản.

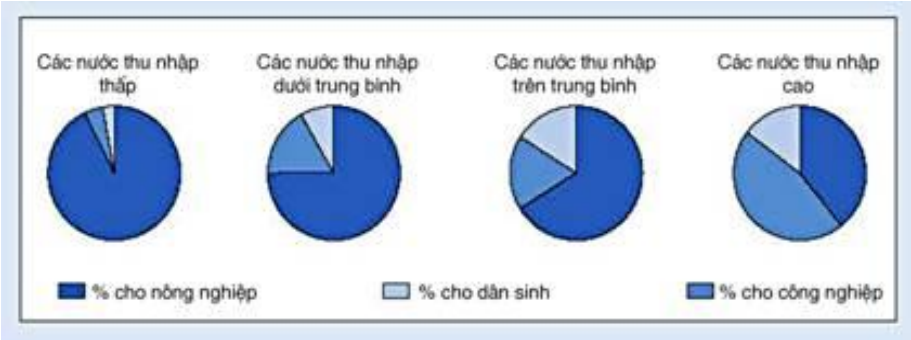

Biểu đồ 1: Chức năng của hồ chứa phân theo mức thu nhập của các quốc gia

Lưu vực sông Mê Công ở Việt Nam có diện tích khoảng 71.000 km^2, chiếm hơn 8% diện tích toàn lưu vực và 20% diện tích Việt Nam. Lưu vực sông Mê Công ở Việt Nam bao gồm lưu vực của một số sông là Nậm Rốm và Nậm Núa, một số sông suốiphía tây huyện Hương Hoá (tỉnh Quảng Trị), sông Sêkong, các sông ở Tây Nguyên, và sông Cửu Long.

Các sông ở Tây Nguyên có diện tích lưu vực khoảng 29,700 km^2(tiểu vùng 7V). Tây Nguyên là thượng nguồn đối với Campuchia trong khi Đồng bằng sông Cửu Long là hạ nguồn

cuối cùng của lưu vực sông Mê Công. Ở Tây Nguyên, các sôngSê San, Srêpôk là 2 sông nhánh chính phía bờ trái của sông Mê Công. Lưu vực của 2 sông này trên lãnh thổ Việt Nam nằm trên địa phận của 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

Sông Sê San bắt nguồn từ vùng núi phía bắc và đông hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Diện tích lưu vực sông Sê San thuộc lãnh thổ Việt Nam là 11.450 km^2 với chiều dài dòng chính 252 km và mật độ lưới sông 0,38 km/km^2.

Sông Srêpôklà một nhánh chính của sông Mê Kông bắt nguồn từ các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng với diện tích lưu vực trong lãnh thổ Việt Nam khoảng 12.030 km^2, chiều dài dòng chính 291 km và mật độ lưới sông 0,55 $km/km^{2,}$ phần lớn diện tích lưu vực nằm trong tỉnh Đắk Lắk (khoảng 10.400 km2), phần còn lại nằm ở các tỉnh Đắk Nông, Gia Lai và Lâm Đồng.

Hiện tại, trên hai lưu vực sông chính Srêpôk và Sê San có 17 thủy điện xếp theo bậc thang, trong đó sông Srêpôk có 11 thủy điện, sông Sê San có 6 thủy điện lớn đang hoạt động, xây dựng. Ngoài ra, còn hơn 200 dự án thủy điện đang tiếp tục triển khai, nghiên cứu đầu tư. .

Bảng 1: Các công trình thủy điện trên lưu vực sông Mê Công – Tây Nguyên

TT	Tên hồ/đập	Tỉnh	Diện tích hồ chứa (ha)	Dung tích toàn bộ hồ chứa (10^6 x m^3)	Công suất thiết kế (MW)	Sông/suối chính	Năm hoàn thành
1	Yaly	Gia Lai, Kon Tum	6,450	1037	720	Sesan	2003
2	Pleikrong	Kon Tum	5,328	1.048,7	100	Sesan	2009
3	Se San 3	Gia Lai	340	92	260	Sesan	2006
4	Sê San 3A	Gia Lai	453	80.6	108	Sesan	2007
5	Sê San 4	Gia Lai	5,841	893.3	360	Sesan	2010

6	Sê San 4A	Gia Lai	155.20	7.55	63	Sesan	2009
7	Thượng Kon Tum	Gia Lai		173	220	Sesan	Đang thi công
8	Buôn Kuốp	Đắk Lắk	1,200		280	Srepok	2010
9	Srepok 3	Đắk Lắk			220	Srepok	2010
10	Srepok 4	Đắk Lắk, Đắk Nông			33	Srepok	2010
11	Srepok 4A	Đắk Lắk			64	Srepok	Đang thi công
12	Buôn Tua Srah	Đắk Lắk	2,000	520	86	Krong No-Srepok	2009
13	Đray H'inh	Đắk Lắk			12	Srepok	
14	Đray H'inh 2	Đắk Lắk			18	Srepok	
15	Krong Kma	Đắk Lắk	20		12	Krong Kma	2008
16	Hòa Phú	Đắk Lắk			29	Srepok	Đang thi công
17	Ea sup 3	Đắk Lắk			6	Ea H'leo	
18	Đức Xuyên	Đắk Nông			58	Krong No-Srepok	
19	Ea Hiao 3				4	Ea H'leo	Đang thi công

II. HIỆN TRẠNG NGHỀ CÁ HỒ CHỨA LƯU VỰC SÔNG MÊKONG - TÂY NGUYÊN

2.1. Hiện trang kinh tế xã hội

Nếu xét diện tích Tây Nguyên bằng tổng diện tích của 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. thì vùng Tây Nguyên rộng 54.639 km^2. Tuy nhiên đây lại là vùng có dân số ít nhất toàn quốc, gồm 5 tỉnh với dân số là 5.107.437 người (TKDS 2009). Tây Nguyên là vùng núi cao điều kiện đi lại khó khăn và là nơi các dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu, chỉ chiếm dưới một phần năm (gần 19%) dân số của cả nước. Tây Nguyên có 44 dân tộc sinh sống, là khu vực có số lượng dân tộc nhiều nhất cả nước. Các dân tộc bản địa ở đây chủ yếu là Ê Đê, M'Nông, Gia Rai, Ba Na, người Kinh và một số dân tộc phía bắc như Tày, Nùng, Mường, Thái di cư vào từ thập niên 1970 đến nay . Chính vì vậy, khả năng phát triển kinh tế hộ gia đình của cộng đồng dân cư không cao. Những đặc trưng trên đã có những tác động nhất định đến sự phát triển của nghề cá nội trong khu vực.

Do đặc điểm địa hình phức tạp, đồng bào dận tộc nhiều, trình độ học vấn thấp…dẫn đến việc phát triển kinh tế trong khu vực gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập của người dân thấp.

Bảng 2: Thu nhập hàng tháng của lao động khu vực Tây Nguyên

Đv: nghìn đồng

	2000	**2004**	**2006**	**2008**	**TTBQ %/năm**
CẢ NƯỚC	651,5	1.068,5	1.565,3	2.159,0	16,2
Tây Nguyên	823,4	1.015,2	1.585,8	2.169,1	12,9

Nguồn: NGTK cả nước năm 2008

Bảng 3 Tỷ lệ hộ nghèo khu vực Tây Nguyên theo chuẩn mới của chính phủ

Vùng	**2004**	**2006**	**2007**	**2008**
Cả nước	**18,1**	**15,5**	**14,8**	**13,5**
Tây Nguyên	29,4	26,6	23	21

Nguồn: NGTK cả nước năm 2007, 2008

2.2. Hiện trang về nguồn lợi

Lưu vực sông Mê Kông là vùng có đa dạng sinh học cao với quần thể động thực vật phong phú. Nguồn lợi thuỷ sản tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong sinh kế của người dân. Phần lớn diện tích lưu vực sông Srêpốk (thuộc lưu vực sông Mê Kông) ở Tây Nguyên nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các nhánh sông Srêpốk chảy qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xem là nơi có nguồn lợi thuỷ sinh vật tự nhiên phong phú nhất của hệ thống sông Mê Kông ở Tây Nguyên. Các loài thuỷ sinh vật ở đây đóng vai trò chủ yếu là cung cấp sản lượng thuỷ sinh vật tự nhiên cho toàn tỉnh và một số tỉnh lân cận.

Nguồn lợi cá thuộc lưu vực sông Srêpôk rất phong phú về thành phần loài và đa dạng về sự phân bố. Cho đến nay đã ghi nhận được hơn 200 loài cá ở khu hệ này, trong đó có khoảng 32 loài cá quý hiếm. Tuy nhiên có rất ít nghiên cứu về về thành phần loài cá phân bố ở các đập thủy điện trong lưu vực Mekong ở Tây Nguyên.

Bảng 4: Số loài cá phân bố ở số hồ chứa khu vực Tây Nguyên

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Số loài			Thời gian điều tra
			Tổng số	Cá thả (Stocked species)	Cá tự nhiên (Self – recruited)	
1	Yaly	6,450	19	2	17	2004
2	Easoup hạ	240	45	7	40	1996-2002
3	Eakao	210	19	7	14	1996-2002
4	Eakar	141	12	7	7	1996-2000
5	Buôn Triết	120	27	4	23	2009-2012
6	Yang Reh	56	15	7	10	1996-2000

2.3. Hiện trạng khai thác thủy sản

Nhìn chung, nghề khai thác cá hồ chứa khu vực Tây Nguyên là nghề cá quy mô nhỏ quy mô hộ gia đình. Người đánh cá thường sử dụng thuyền chèo (gỗ hoặc nhôm) đi được từ 1-4 người để khai thác cá. Thường thì 1 thuyền chỉ đi một người, trường hợp đi 2 người là 2 vợ chồng hoặc người thân trong gia đình đi theo để giúp đỡ. Mục đích nghề khai thác cá ở các hồ

chứa cũng như ở các thủy vực nước ngọt khác ở Tây Nguyên là để ăn, tăng thêm thu nhập, và giải trí (chiếm khoảng 60% tổng số người đánh bắt), còn lại khoảng 40% người tham gia là nguồn thu nhập chính cho gia đình.

❖ **Ngư cụ khai thác**

Những người không chuyên nghiệp thì ít đầu tư về ngư cụ nên số lượng ít còn những người chuyên nghiệp thì số lượng ngư cụ nhiều hơn. Ngư cụ khai thác ở các hồ chứa thuộc lưu vực Mekong ở Tây Nguyên (kể cả hồ thủy điện) cũng tương đối giống nhau và giống ở các dạng thủy vực nước ngọt khác. Ngư cụ phổ biến là lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó quay, lừ, câu cần, câu giăng, dí điện (electro-fishing), và chài quăng.

Bảng 4: Các ngư cụ khai thác chính ở một số hồ chứa

TT	Tên hồ	Ngư cụ khai thác chính
1	Yaly	Lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó, dí điện, câu cần, câu giăng, lừ
2	Pleikrong	Lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó, dí điện, câu cần, câu giăng, chài, lừ
3	Buôn Kuốp	Lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó, dí điện, câu cần, câu giăng, chài, lừ
4	Buôn Tua Srah	Lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó, dí điện, câu cần, câu giăng, chài, lừ
5	Đray H'inh	Lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó, dí điện, câu cần, câu giăng, chài, lừ
6	Easoup	Lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó quay, vó đèn, câu cần, câu giăng, chài
7	Eakao	Lưới liên hợp, lưới rê 1 lớp, lưới rê 3 lớp, vó quay, vó đèn, câu cần, câu giăng, chài, lưới chụp, lưới rùng

❖ **Mùa vụ khai thác**

Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm, thời gian khai thác trong mùa mưa là 4 tháng. Tổng số ngày khai thác được trong mùa mưa theo số liệu điều tra tính được 50 ngày/người. Năng suất đánh bắt trung bình: 13 kg/ngày.

Mùa khô: Bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thời gian khai thác trong mùa khô 6 tháng. Tổng số ngày khai thác thủy sản được trong mùa khô là 65 ngày/người. Năng suất đánh bắt trung bình: 8 kg/ngày.

- **Sản lượng khai thác nghề cá**

Sản lượng nghề cá nội địa và các hồ chứa trong khu vực

Khu vực Tây Nguyên có nhiều tiềm năng phát triển nghề cá nội địa. Tính sơ bộ đến năm 2011, sản lượng khai thác của vùng Tây Nguyên là 29.086 tấn, tăng 125,8% so với năm 2002 và 98,5% so với năm 2007. Giai đoạn 2007-2011, khai thác chiếm tỷ trọng 13,6-20,9% trong cơ cấu tổng sản lượng của ngành ở khu vực và chiếm tỷ trọng 0,8-1,2% so với cả nước. Sản lượng khai thác là giảm dần trong giai đoạn này mà một trong những nguyên nhân là việc ngăn dòng xây dựng thủy điện.

Bảng 5: Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản của khu vực Tây Nguyên

Đơn vị: Tấn

Sản lượng	2002	2007	2008	2009	2010	Sơ bộ 2011
Tổng sản lượng						
Cả nước	2.647.408	4.199.082	4.602.026	4.870.317	5.142.745	5.432.904
Tây Nguyên	12.882	16.455	18.432	20.239	25.258	29.086
Sản lượng khai thác						
Cả nước	1.802.599	2.074.526	2.136.408	2.280.527	2.414.408	2.502.487
Tây Nguyên	2.779	3.438	3.412	3.906	3.882	3.960

Sản lượng nuôi trồng						
Cả nước	844.810	2.124.555	2.465.607	2.589.790	2.728.334	2.930.415
Tây Nguyên	10.103	13.017	15.020	16.332	21.375	25.127

Nguồn: Tổng cục thống kê (2012)

Bảng 6: Năng suất và sản lượng khai thác ở một số hồ chứa thủy điện và thủy lợi ở Tây Nguyên

TT	Hồ	Tỉnh	Diện tích (ha)	Năng suất (kg/ha)	Sản lượng (tấn)	Số ngư dân (người)	Thời gian điều tra	Ghi chú
1	Yaly[1]	Gia Lai, Kon Tum	3.700	71	263	90	2003-2004	
2	Pleikrong[1]	Kon Tum	6.400	117	750	1500	2012	
3	Ajun Hạ[2]	Gia Lai	3700	85-208	315-770	70-100	1996-2003	Thả cá hàng năm
4	Eakao[3]	Đắk Lắk	210	230-570		80	1996-2002	Thả cá hàng năm
5	Eakar[3]	“nt”	141	454			1996-2000	Thả cá hàng năm
6	Easoup[3]	“nt”	240	147-246		60	1996-2002	
7	Yang Reh[3]	“nt”	56	566		25	1998-	Thả cá hàng

							2000	năm
8	Buôn Triết	"nt"	120	183		30	2009-2012	Thả cá hàng năm

❖ **Hiện trạng sản phẩm khai thác**

Do nghề cá hộ chứa lưu vực sông MêKong – Tây Nguyên là nghề các nhỏ, quy mô hộ gia đình, hoạt động phần lớn bán chuyên nghiệp, ngư cụ khai thác có nhiều loại kịch thức mắt lưới nhỏ, một số loại còn nằm trong danh mục cấm như te điện, xiệc điện….Nên sảm phẩm khai thác được thường nhỏ hơn kích thước cho phép rất lơn như cá thát lát tới 80%, cá chép lên tới 75%, cá lóc 81% và có lăng lên tới 87%.

Bảng 3.18.Thống kê sản phẩm của nghề Chài quang

TT	Tên loài cá	Số mẫu điều tra						Chiều dài <[L]		Chiều dài ≥[L]	
		Số lượng mẫu điều tra (mẻ)	Số lần bắt gặp	Tỷ lệ bắt gặp (%)	Tổng sản lượng (kg)	Trung bình sản lượng một mẻ (kg)	Số lượng lấy mẫu mẫu (con)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
1	Thát lát	30	27	90.0	11.6	0.43	34	27	79.4	7	20.59
2	Cá chép	30	4	13.3	1.15	0.29	4	3	75.0	1	25.00
3	Cá Lóc	30	9	30.0	3.5	0.39	29	23	79.3	6	20.69

Nguồn: Nguyễn Tiến Thắng, ĐH Nha Trang

([L] là chiều dài được phép khai thác theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ (Nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 3.19. Thống kê sản phẩm của nghề Đăng mắt lưới nhỏ

TT	Tên loài cá	Số mẫu Đ.Tra						Chiều dài <[L]		Chiều dài ≥[L]	
		Số lượng mẫu điều tra (mẻ)	Số lần bắt gặp	Tỷ lệ bắt gặp (%)	Tổng sản lượng (kg)	Trung bình sản lượng một mẻ (kg)	Số lượng lấy mẫu mẫu (con)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
1	Thát lát	30	26	86.7	58.5	2.3	71	57	80.3	14	19.7
2	Cá chép	30	12	40.0	11.7	1.0	49	37	75.5	12	24.5
3	Cá Lóc	30	30	100.0	24	0.8	157	126	80.3	31	19.7
4	Cá Lăng	30	8	26.7	18	0.6	8	7	87.5	1	12.5

Nguồn: Nguyễn Tiến Thắng, ĐH Nha Trang

2.4. Hiện trạng nuôi trồng thủy sản

Nhìn chung, cũng giống như các hồ chứa thủy lợi trên khu vực, ở các hồ chứa thủy điện thuộc lưu vực Mekong ở Tây Nguyên cũng tiến hành nuôi thủy sản để tận dụng mặt nước và nguồn thức ăn tự nhiên của các hồ chứa. Có hai hình thức nuôi cá hồ chứa là nuôi lồng bè và thả cá trực tiếp vào hồ.

Hình thức thả trực tiếp vào hồ được tiến hành ngay sau khi ngăn đập với những đối tượng quyen thuộc với nghề nuôi cá hồ chứa ở Việt Nam như cá mè trắng, mè hoa, Trôi Ấn, Chép, Trắm cỏ. Tuy nhiên, do quản lý và khai thác không tốt, nên tỷ lệ hoàn lại trong đánh bắt thấp, và dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp. Đến thời điểm hiện tại, hầu như các hồ chứa thủy điện không tiếp tục thả cá giống vào trong hồ chứa.

Với hình thức nuôi lồng, tuy diện tích mặt nước và điều kiện môi trường nước ở nhiều hồ chứa có thể phát triển nghề nuôi cá lồng nhưng hiện nay nghề nuôi cá lồng ở các đập thủy điện chưa phát triển được do hai nguyên nhân. Thứ nhất là chưa tìm ra đối tượng nuôi phù hợp cho nghề nuôi cá lồng ở khu vực Tây Nguyên. Nguyên nhân thứ hai là khu vực Tây Nguyên có mùa đông lạnh hơn ở các nơi khác, với nhiệt độ nước xuống dưới 20°C kéo dài từ 3-4 tháng, ảnh hưởng đến các loài cá nuôi trong lồng, đặc biệt là những loài có thời gian nuôi dài, phải trãi qua mùa đông.

Vì thế tình hình nuôi cá lồng trong các hồ chứa ở Tây Nguyên nói chung (kể cả hồ chứa thủy điện) còn kém phát triển.

Bảng 2: Diện tích nuôi lồng ở một số hồ thủy điện và thủy lợi thuộc khu vựcTây Nguyên

TT	Tên đập	Tỉnh	Diện tích lồng (ha)	Số lồng	Đối tượng nuôi	Sản lượng (tấn)	Chủ đầu tư	Năm bắt đầu nuôi
1	Sêrêpôk 4	Đắk Lắk, Đắk Nông	1100	44	Cá Lăng nha		Nhà máy Thuỷ điện Sêrêpôk 4	2011
2	Buôn Tua Srah	Đắk Lắk	1,000	40	Cá Tầm		Tập đoàn Cá tầm Việt Nam	2012
3	Buôn Kuốp	Đắk Lắk			Cá Lăng nha, cá lóc, rô phi		Doanh nghiệp, người dân	2011
4	Eakao	Đắk Lắk		40	Cá Lăng nha		Doanh nghiệp	2010

2.5. Hiện trạng chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Sản phẩm từ khai thác và nuôi trồng thủy sản hồ chứa đều được tiêu thụ dưới dạng tươi sống thông qua các nậu vựa và hệ thống chợ xã, huyện hoặc đưa tới các thành phố trong và ngoài vùng. Các sản phẩm chế biến từ thủy sản được nuôi trồng và khai thác khu vực hồ chứa mang tính đặc thù theo từng địa phương và chủ yếu tiêu thụ tại chỗ. Một số đối tượng có giá trị cao từ khai thác thường được đưa xuống tiêu thụ ở các trung tâm, thành phố và phục vụ du lịch.

Cơ cấu thị trường tiêu thụ và mặt hàng tiêu thụ: Định hướng thị trường, lựa chọn đối tượng sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn và thích hợp với sinh thái vùng như chình, chép, rô phi đơn tính, rô đồng, bống tượng, tai tượng, lóc, lăng, trê, thác lác ... Đồng thời chú trọng phát triển các đối tượng có giá trị kinh tế cao như tôm càng xanh, ba ba, lươn, ếch, cá sấu, cá cảnh.

Các sản phẩm khai thác và nuôi trồng từ hồ chứa chủ yếu được tiêu thụ nội địa dưới dạng các sản phẩm tươi, khô, sơ chế hoặc làm mắm. Ngoài ra sản phẩm cá nuôi hoặc khai thác ở hồ chứa vẫn chưa đáp ứng được đủ nhu cầu tiêu thụ tại địa phương, nên người dân phải sử dụng một lượng cá từ các nơi khác đưa về

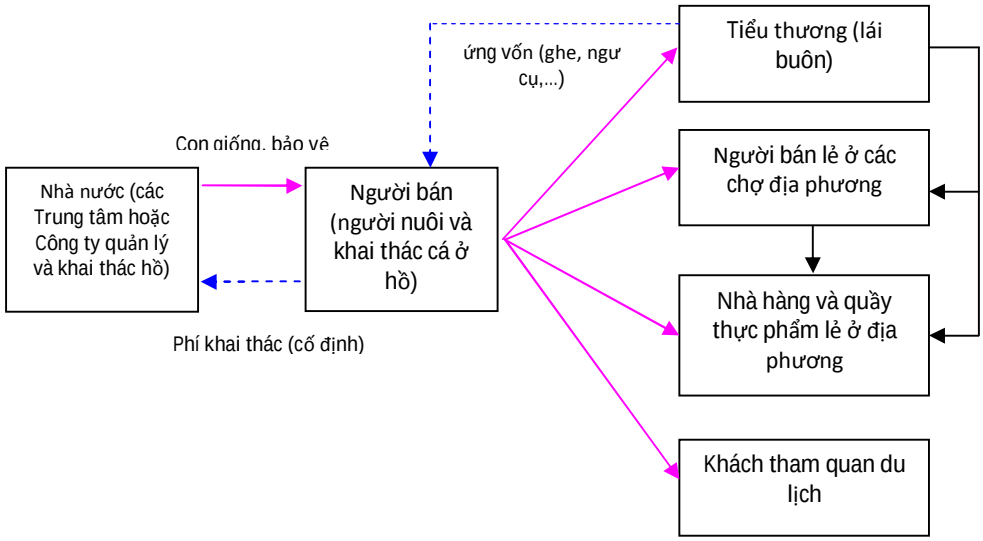

:

Biểu đồ 2: Mối quan hệ trong chuỗi tiêu thụ sản phẩm thuỷ sản hồ chứa

2.6. Tổ chức quản lý – cơ chế chính sách

- **Về tổ chức quản lý**

Nuôi trồng thủy sản hồ chứa tại các tỉnh của vùng chủ yếu là xóa đói giảm nghèo và giải quyết công ăn việc làm cho các hộ sống xung quanh hồ, sau khi nhà nước thu hồi đất để đắp đập ngăn hồ phục vụ đa mục tiêu.

Đa số các hộ NTTS đều là các hộ nghèo do đó vấn đề chính sách xóa đói giảm nghèo đã được Chương trình 135 của Chính phủ hỗ trợ. Đối với từng địa phương một số cũng đã có những dự án hỗ trợ đối với các hộ dân sống bằng nghề nuôi và đánh bắt cá vùng hồ bằng cách đầu tư mua con giống thả xuống hồ như tỉnh Đắk Lắk. Cho thuê, khoán mặt nước hồ chứa để khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Cùng với ngành Thủy sản, còn có nhiều ngành khác như Thủy điện, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Du lịch, Quân đội,... cùng hoạt động trên một hồ chứa dưới các hình thức nông trường, lâm trường, xí nghiệp thủy nông và một số hội và đoàn thể,... Tình trạng chưa phân cấp rõ ràng trong quản lý

hồ chứa dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, xung đột giữa các ngành, chưa phát huy tối đa tiềm năng hồ chứa.

Các hồ chứa lớn, đa mục tiêu đều có Ban quản lý lòng hồ. Tùy từng loại hồ, mục đích sử dụng mà quy mô, cấp hoạt động của các Ban quản lý hồ chứa khác nhau. Nhìn chung những hồ lớn, hoạt động thủy sản chỉ kết hợp trong thủy điện, tưới tiêu nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt, một số hồ chứa nhỏ thì hoạt động thủy sản được quan tâm cho phép khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Bảng 7: Các phương thức quản lý nghề cá hồ chứa

TT	Tên hồ/đập	Tỉnh	Sông/suối chính	Năm hoàn thành	Đơn vị quản lý
1	Yaly	Gia Lai, Kon Tum	Sesan	2003	CT Thủy điện Yaly - EVN
2	Pleikrong	Kon Tum	Sesan	2009	Tổng công ty Điện lực Việt Nam
3	Sê San 3A	Gia Lai	Sesan	2007	CT cổ phần thủy điện Sê San 3A - Tổng công ty Sông Đà
4	Sê San 4	Gia Lai	Sesan	2010	CT cổ phần tư vấn XD điện I - EVN
5	Sê San 4A	Gia Lai	Sesan	2009	CT cổ phần thủy điện Sê San 4A - EVN
6	Thượng Kon Tum	Gia Lai	Sesan	Đang t.công	Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
7	Buôn Kuốp	Đắk Lắk	Srepok	2010	Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
8	Srepok 3	Đắk Lắk	Srepok	2010	Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

9	Srepok 4	Đắk Lắk, Đắk Nông	Srepok	2010	CT cổ phần đầu tư và phát triển điện Đại Hải
10	Buôn Tua Srah	Đắk Lắk	Krong No-Srepok	2009	Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
11	Đray H'inh	Đắk Lắk	Srepok		Điện lực Đắk Lắk
12	Đray H'inh 2	Đắk Lắk	Srepok		CT cổ phần Thuỷ điện (Công ty Điện lực 3)
13	Krong Kmar	Đắk Lắk	Krong Kma	2008	Tổng công ty Sông Đà
14	Ea sup 3	Đắk Lắk	Ea H'leo		Công ty TNHH xây dựng Nhật Hà

Về công tác quản lý tại địa phương và các tác động

Nhìn chung, công tác quản lý nghề cá tại các địa phương trong những năm qua chưa thực tốt. Trước năm 2010 tại các tỉnh Tây Nguyên chưa có cơ quan chuyên trách về quản lý thủy sản mà chỉ có bộ phần nhỏ phụ trách về thủy sản và chưa nhiều cán bộ được đào tạo về chuyên ngành quản lý thủy sản. Các Chi cục thủy sản chỉ mới được thành lập năm 2009 bao gồm: Chi cục thủy sản Đăk Lak, Gia Lai, KonTum

- **Về cơ chế chính sách**

Nhận thức được vai trò quan trong và tiêm năng của nghề các nội địa cũng như nghề cá hồ chứa, Chính phủ đã xây dựng và ban hành một số chính sách nhằm khuyên khích động viên, tăng cường quản lý phát triển nghề cá nội đị, nghề cá hồ chưa. Tuy nhiên vẫn chưa có một số chính sách riêng cho phát triển nghề cá hồ chưa. Một số chính sách liên quan bao gồm:

- Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ thủy sản số 02/2007/CT-BTS *ngày 15 tháng 06 năm 2007 về việc tăng cường quản lý nghề cá nội địa.*

- Trong Quyết định số 10/2006/QĐ-TTg, ngày 11/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ đã xây dựng chỉ tiêu 50.000 tấn cá nuôi từ hồ chứa vào năm 2010.

- Quyết định số 129/QĐ –TCTS-KHTC ngày 13 tháng 3 năm 2013 về việc “Nghiệm thu hoàn thành dự án – Quy hoạch phát triển nghề cá hồ chứa đến năm 2020”.

Bê cạnh đó để quản lý tốt nguồn lợi thủy sản và thực hiện khai thác hợp lý và bền vững, ngành thủy sản hiện đang thực hiện luật thủy sản ban hành năm 2003 cùng với các thông tư hướng dẫn của ngành.

- Tại Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 quy định về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản đã dành khoản 2 điều 5 quy định

về cấp giấy phép trong các trường hợp sau:

+ Khai thác cá loại thủy sản bị cấm; khai thác trong vùng cấm; trong thời gian cấm khai thác hoặc bằng nghề cấm;

+ Khai thác các loại thủy sản thuộc danh mục các loại thủy sản mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã công bố trữ lượng nguồn lợi của các loài này đang bị suy giảm nghiêm trọng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.

- Nghị đinh số 31/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

+ Về đối tượng cấm khai thác, tại phụ lục 5, thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định những đối tượng cấm khai thác, kích thước mắt lưới được phép khai thác, kích thướccá được phép khai thác.

III. KẾT LUẬN, ĐỀ XUẤT

* Kết luận

- Các sông ở Tây Nguyên có diện tích lưu vực khoảng 29,700 km^2(tiểu vùng 7V) với 972 hồ chứa có tiềm năng lớn trong phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản.

- Cộng đồng làm nghề cá ở lưu vực sông Mê Kông – Tây Nguyên là cộng đồng nghèo (tỷ lệ nghèo năm 2008 -21%), có thu nhập thấp (2.169,1 VNĐ/tháng, năm 2008), sinh kế chủ yếu từ nông nghiệp. Thủy sản có tiềm năng lớn nhưng mới chỉ được khai thác như một sinh kế bổ sung.

- Nguồn lợi cá thuộc lưu vực sông Mê Kông – Tây nguyên rất phong phú với hơn 200 loài cá, trong đó có khoảng 32 loài quý hiếm. Tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học nghề cá ở khu vực này, đặc biết trong bối cảnh đang có nhiều công trình thủy điện đang được xây dựng ở khu vực này.

- Hoạt động khai thác thủy sản ở quy mô nhỏ quy mô hộ gia đình, phương tiền và ngu cụ khai thác còn thô sơ và chủ yếu là ngư cụ truyền thống.

- Mặc diện tích mặt nược lớn (29,700 $km^{2)}$, số lượng hồ chứa nhiều (972 hồ) tuy nhiên sản lượng sản phẩm thủy sản của khu vực Tây Nguyên vẫn còn thấp (năm 2011 là 29.086 tấn, trong đó sản lượng từ khai thác 3.960 tấn, từ nuôi trồng 25.127 tần/ toàn quốc là 5.432.904 tần).

- Có hai hình thức nuôi cá hồ chứa là nuôi lồng bè và thả cá trực tiếp vào hồ. Tuy nhiên do chưa tìm ra đối tượng nuôi phù hợp cho nghề nuôi cá lồng và điều kiện thời tiết có phần khắc nhiệt nên hoạt động nuôi trồng thủy sản ở các hồ chứa lưu vực sông Mê Kông – Tây Nguyên còn ở quy mô nhỏ, sản lượng chưa cao.

- Do sản lượng ít, chưa có nhiều sản phẩm có giá trị cao nên hoạt động tiêu thụ sản phẩm trong khu vực vẫn ở phạm vi hẹp, tiêu thụ tại địa phương là chính chưa có sản phẩm để xuất ra các địa phương ngoài hay đi quốc tế.

- Tình trạng quản lý nghề cá hồ chứa trong khu vực chưa phân cấp rõ ràng dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, xung đột giữa các ngành, chưa phát huy tối đa tiềm năng hồ chứa. Bên cạnh đó các Cơ quan quản lý thủy sản địa phương mới thành lập nên còn có nhiều hạn chế trong công tác quản lý.

- Nhà nước đã có nhiều chính sách về nghề cá. Tuy nhiên các chính sách riêng cho nghề cá nội địa, nghề cá hồ chứa lại chưa nhiều và chưa được quan tâm một cách thích đáng.

*** Đề xuất**

- Bộ NN&PTNT xây dựng các chính sách, chương trình dự án nhằm phát huy được tiềm năng của nghề cá hồ chứa.

- Các cơ quan Quản lý Trung ương, cũng như các cơ quan quản lý tại địa phương cần thống nhất phương án quản lý nghề cá hồ chứa tránh tình trạng quản lý trồng chéo như hiện nay.

- Bộ NN&PTNT, Các tỉnh và các cơ quản nghiêm cứu cần quan tâm hơn nữa trong việc nghiên cứu giống mơi cho nuôi thủy sản, cải tiến phương tiện khai thác thủy sản, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nghề cá hồ chứa.

- Bên cạnh đó Chính quyền địa phương cũng cần xây dựng các chương trình, dự án đào tạo nâng cao lực cho đội ngũ cán bộ địa phương nhằm thực hiện tốt công tác quản lý và phát triển thủy sản của tỉnh mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2013, "Quy hoạch và phát triển nghề cá hồ chứa đến năm 2020".

2. Nguyễn Tiến Thắng, Đại Học Nha Trang, Luận văn thạc sỹ "***"Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý nghề khai thác thủy sản lưu vực sông Srêpốk thuộc tỉnh Đắk Lắk"***

3. GS Mai Đình Yên, 2007 "Thực trạng và giải pháp quản lý nghề cá nội địa Việt Nam"

4. Tổng cục Thống Kê "Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam 2001 -2010"

5. Trung Tâm tin học - Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, 2012, "**Vị trí của ngành thủy sản trong nền kinh tế quốc dân".**

6. Công ty cổ phần chứng khoán Phương Nam, 2012 "Báo cáo cập ngành thủy sản năm 2012".

7. Dự án "Quản lý nghề cá lưu vực sông Mekong". 2010. Cơ sở dữ liệu: Các báo cáo của Dự án và số liệu điều tra.

8. Nguyễn Quốc Thắng. 2004. "***Điều tra về tình hình kinh tế xã hội và khai thác của nghề cá ở hồ Yaly thuộc tỉnh Gia Lai"***

9. Báo Pháp luật. 2011. Thủy điện Tây Nguyên và hệ lụy - Bài 1: Phá rừng làm thủy điện: http://phapluattp.vn/2011112711315378p1112c1115/thuy-dien-tay-nguyen-va-he-luy-bai-1-pha-rung-lam-thuy-dien.htm

10.http://www.taynguyen24h.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=35&Itemid=28

11.http://www.tin247.com/tay_nguyen_se_la_trung_tam_thuy_dien_lon_nhat_viet_nam-1-57569.html

12. Hội đập lớn và phát triển nguồn nước VN.http://www.vncold.vn/Web/Content.aspx?distid=623

13. CT Thủy điện Yaly. http://ialyhpc.vn/?php=about&basic=detail&id=240.

14.http://www.songda.vn/info/C%C3%B4ngtr%C3%ACnhd%E1%BB%B1%C3%A1n/Th%E1%BB%A7y%C4%91i%E1%BB%87n/CTho%C3%A0nth%C3%A0nh/tabid/189/ctl/Details/mid/673/ItemID/1107/Default.aspx

15. http://www.pecc1.com.vn/Thuy-dien_33/Thuy-dien-Se-San-4_192.aspx

16.http://sesanhpc.vn/index.php?option=com_content&view=category&layout=blog&id=168&Itemid=240Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)